



Người ký: Văn phòng Sở
Email: sonnptnt@hungyen.gov.vn
Cơ quan: Sở Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn, Tỉnh
Hung Yên
Thời gian ký: 19.06.2019
09:51:15 +07:00

UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **437**/SNN-KHTC

Về việc tham gia ý kiến vào dự thảo
Đề cương Đề án thực hiện nhiệm vụ phát
triển ngành nông nghiệp

Hung Yên, ngày **19** tháng **6** năm **2019**

Kính gửi: Đồng chí Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện văn bản số 866/UBND-KT2 ngày 18/4/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận xây dựng 02 Đề án thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành nông nghiệp; Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng hoàn thiện dự thảo Đề cương Đề án phát triển vùng sản xuất hoa, cây ăn quả tập trung tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025 và Đề án phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025.

Để bản dự thảo Đề cương 02 Đề án nêu trên được hoàn chỉnh hơn trước khi trình UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị đồng chí Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố giành thời gian nghiên cứu, tham gia ý kiến đóng góp cho bản dự thảo Đề cương 02 Đề án trên.

Ý kiến tham gia bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT (Số 01, Nguyễn Lương Bằng, Thành phố Hưng Yên) trước **ngày 25/6/2019** để tổng hợp, hoàn thiện, trình UBND tỉnh theo quy định.

Rất mong đồng chí quan tâm, đóng góp ý kiến./.

(Gửi kèm Đề cương Đề án phát triển vùng sản xuất hoa, cây ăn quả tập trung tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025 và Đề án phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2020-2025)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- LĐ Sở;
- Phòng NN-PTNT (KT) các huyện, thị xã, TP;
- Phòng KH-TC&TTNN (tổng hợp);
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

Đỗ Minh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**ĐỀ CƯƠNG
ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN VÙNG SẢN XUẤT TẬP
TRUNG CÂY ĂN QUẢ, HOA CÂY CẢNH
TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**

Hưng Yên, 2019

ĐỀ CƯƠNG

ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN VÙNG SẢN XUẤT TẬP TRUNG CÂY ĂN QUẢ, HOA, CÂY CẢNH TỈNH HUNG YÊN GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

I. TÊN ĐỀ ÁN

Đề án phát triển vùng sản xuất tập trung cây ăn quả, hoa, cây cảnh tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP ĐỀ ÁN

Hung Yên là tỉnh nằm trong vùng Kinh tế Trọng điểm Bắc Bộ, liền kề Thủ đô Hà Nội, gần một số tuyến trục kinh tế và đô thị lớn, có các tuyến đường bộ quan trọng của Quốc gia chạy qua ... Vị trí địa lý tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh trong phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, mở rộng giao lưu, trao đổi kinh tế, văn hoá, xã hội với các tỉnh khác trong vùng đặc biệt là Thủ đô Hà Nội, là thị trường tiêu thụ nông sản lớn nhất Việt Nam.

Theo xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, trong những năm qua, nông nghiệp nông thôn tỉnh Hưng Yên đã đạt được những kết quả tích cực, thể hiện rõ vai trò, vị trí của ngành trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Với tỷ trọng GDP tuy không lớn trong cơ cấu kinh tế, nhưng ngành nông nghiệp tỉnh mang lại việc làm và thu nhập ổn định cho khoảng 70% dân cư khu vực nông thôn. Hưng Yên có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây ăn quả, hoa, cây cảnh. Quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã hình thành những vùng chuyên canh cây ăn quả, hoa, cây cảnh hiệu quả cao đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và ngoài tỉnh, đặc biệt là thị trường Thủ đô Hà Nội, tăng hiệu quả sản xuất trên một diện tích canh tác và góp phần tăng thu nhập cho người dân.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi liên kết là tất yếu của 1 nền nông nghiệp hiện đại. Việc xây dựng và phát triển các chuỗi an toàn, mô hình liên kết theo chuỗi cung ứng hàng hoá để quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm đang là hướng đi phù hợp, đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay.

Nhằm khuyến khích các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm quả, hoa, cây cảnh phát triển bền vững, bên cạnh công tác tuyên truyền, tổ chức các hội nghị kết nối sản xuất với tiêu thụ nông sản tới các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh thì cần phải tập trung xây dựng và phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh tập trung.

Tuy nhiên một số vùng chuyên canh cây ăn quả, hoa cây cảnh trên địa bàn tỉnh phát triển còn tự phát, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, việc tổ chức sản xuất tại các vùng chưa thật sự bền vững; mối liên kết giữa sản xuất, thu mua, chế biến, bảo quản, tiêu thụ chưa được đầu tư đúng mức; Các doanh nghiệp chưa mạnh

dạn tham gia liên kết với tổ hợp tác, hợp tác xã; các hợp đồng bao tiêu sản phẩm còn ít, thiếu tính chặt chẽ làm ảnh hưởng đến lợi ích của cả người dân và doanh nghiệp.

Hơn nữa hiện nay theo luật quy hoạch, quy hoạch ngành nông nghiệp được tích hợp vào quy hoạch chung nên quy hoạch nông nghiệp của tỉnh trong giai đoạn tới cũng không thể hiện được chi tiết các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

Vì vậy, việc thực hiện đề án: “***Phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025***” là cần thiết nhằm xây dựng vùng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn GAP, ứng dụng công nghệ cao trong quá trình sản xuất theo chuỗi liên kết và quản lý chất lượng sản phẩm để truy xuất nguồn gốc của tỉnh, trên cơ sở đó đề xuất các chính sách theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính Phủ góp phần đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, thực hiện thành công mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với phát triển xây dựng nông thôn mới.

III. CÁC CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH

1. Văn bản của Trung ương

- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14.
- Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
- Nghị định 57/2018/BĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp nông nghiệp, nông thôn.
- Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.
- Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Hưng Yên.
- Nghị định số 01/2017/NĐ - CP ngày 6/1/2017 của Chính Phủ về việc bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai.
- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2010.

- Thông tư số 49/2013/TT-BNNPTNT ngày 19/11/2013 “Hướng dẫn tiêu chí xác định vùng sản xuất trồng trọt tập trung đủ điều kiện an toàn thực phẩm”.
- Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/04/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và QH đô thị.

2. Văn bản của tỉnh

- Quyết định 1854/QĐ-QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2014 về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.
- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 06/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Công văn số 1018/UBND-KT2 ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2015-2020, định hướng 2030;
- Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND, ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 07/7/2016 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hưng Yên.
- Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 về việc phê duyệt đề án “Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất để sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo quy mô lớn giai đoạn 2017 - 2020”;
- Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa từ năm 2018 đến năm 2020.
- Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XVIII về Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giá trị gia tăng cao, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 về việc phê duyệt đề án “Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất để sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo quy mô lớn giai đoạn 2017 -2020”.
- Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang

trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa từ năm 2018 đến năm 2020.

3. Các tài liệu cơ sở khác

- Đề án phát triển các ngành của tỉnh đã, đang thực hiện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Hệ thống số liệu thống kê, các kết quả điều tra, khảo sát, số liệu, tài liệu.

IV. MỤC TIÊU

- Phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, hoa cây cảnh tập trung tỉnh Hưng Yên trên cơ sở khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên của tỉnh nhằm tạo ra sản phẩm quy mô lớn tập trung, chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao cho thị trường.

- Làm cơ sở để xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ quả, hoa, cây cảnh tạo bước đột phá trong nông nghiệp, góp phần nâng cao đời sống nhân dân trong vùng. Qua đó góp phần thiết thực và cụ thể hóa việc thực hiện chương trình quốc gia về xây dựng nông thôn mới mà Đảng bộ và chính quyền các cấp đã đề ra.

V. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- Phạm vi không gian: Vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh tập trung trên địa bàn các huyện tỉnh Hưng Yên.

- Phạm vi nội dung: Trên cơ sở về quy mô diện tích và hiệu quả kinh tế, chất lượng đất, tập trung nghiên cứu chuỗi giá trị sản phẩm (từ sản xuất, bảo quản, tiêu thụ) các sản phẩm quả, hoa, cây cảnh.

- Phạm vi thời gian

+ Số liệu hiện trạng về sản xuất, tiêu thụ được thu thập tổng hợp từ năm 2010 đến năm 2018.

+ Phát triển vùng trồng các cây ăn quả, hoa, cây cảnh giai đoạn 2020 - 2025.

VI. ĐỐI TƯỢNG

- Cây ăn quả (Nhãn, Cam, Vải); hoa, cây cảnh.

- Điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, nguồn nước và cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu trồng cây ăn quả an toàn và chất lượng sản phẩm; tính toán cân bằng dinh dưỡng và đề xuất chế độ phân bón cho đất trồng cây ăn quả và hoa.

- Các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ quả, hoa, cây cảnh trên địa bàn tỉnh.

VII. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp điều tra, thống kê: sưu tập các tư liệu, tài liệu đã công bố và lưu trữ trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến dự án, phân tích, thừa kế các tư liệu điều tra ...

2. Phương pháp khảo sát thực địa: khảo sát trên địa bàn các huyện của tỉnh Hưng Yên. Khảo sát hiện trạng tài nguyên đất, nước, các hoạt động kinh tế xã hội. Thu thập mẫu phân tích chất lượng đất để tính toán cân bằng dinh dưỡng và đề xuất chế độ phân bón cho đất trồng cây ăn quả và hoa. Đánh giá mức độ an toàn của đất và nước trồng cây ăn quả.

3. Phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của nông dân (PRA): đánh giá hiện trạng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh, hiện trạng và các giải pháp cho các vấn đề sử dụng hợp lý hoá chất, phân bón. Phỏng vấn người tiêu dùng về nhu cầu tiêu dùng quả an toàn, yêu cầu chất lượng và quản lý chất lượng, nhu cầu sơ chế, bảo quản... để người tiêu dùng tiếp cận với sản phẩm quả an toàn một cách rộng rãi.

4. Phương pháp lấy mẫu và phân tích mẫu

- Số lượng mẫu và phương pháp lấy mẫu đất theo tiêu chuẩn TCVN 8409:2012 quy trình đánh giá đất sản xuất nông nghiệp.

- Các chỉ tiêu phân tích:

+ Phân tích để đánh giá chất lượng đất:

* Mẫu thổ nhưỡng: Phân tích 13 chỉ tiêu lý, hóa học cho các tầng đất của phẫu diện, gồm: pH_{KCl}, Thành phần cấp hạt, Ca^{2+} , Mg^{2+} , K^+ , Na^+ , OC%, N %, P_2O_5 %, K_2O %, P_2O_5 dễ tiêu, K_2O dễ tiêu; CEC đất.

* Mẫu nông hóa: Phân tích 6 chỉ tiêu, gồm: pH_{KCl}, OM%, N dễ tiêu, P_2O_5 dễ tiêu, K_2O dễ tiêu, CEC đất.

+ Phân tích để đánh giá mức độ an toàn:

* Phân tích mức giới hạn tối đa cho phép của 5 KLN là: As, Cd, Cu, Pb và Zn trong 460 mẫu đất (theo TCVN 6649:2000, TCVN 6496:1999).

* Phân tích mức giới hạn tối đa cho phép của 4 KLN là: As, Cd, Hg và Pb trong 70 mẫu nước tưới (theo TCVN 5941:1995; TCVN 665:2000).

5. Phương pháp ứng dụng hệ thống thông tin địa lý GIS: Bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển sản xuất cây ăn quả, hoa cây cảnh tập trung; bản đồ đánh giá mức độ an toàn của đất trồng cây ăn quả; bản đồ đánh giá chất lượng đất trồng cây ăn quả, hoa cây cảnh.

VIII. NỘI DUNG CHỦ YẾU

VIII.1. ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN LỰC CHI PHỐI ĐẾN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÂY ĂN QUẢ, HOA, CÂY CẢNH TẬP TRUNG TỈNH HUNG YÊN

1. Vị trí địa lý

2. Các nguồn lực về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

2.1. Điều kiện tự nhiên

- Đặc điểm địa hình
- Đặc điểm khí hậu

Những lợi thế và hạn chế đối với phát triển nông nghiệp nói chung, các sản phẩm hàng hóa tập trung nói riêng.

2.2. Tài nguyên thiên nhiên

- Tài nguyên đất nông nghiệp (đặc điểm các loại đất và khả năng khai thác sử dụng cho sản xuất nông nghiệp)

- Tài nguyên nước
- Tài nguyên du lịch

3. Các nguồn lực về kinh tế - xã hội

3.1. Nguồn lực về kinh tế

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- Tăng trưởng kinh tế
- Đầu tư cho nông nghiệp - nông thôn

3.2. Nguồn nhân lực

- Dân số, lao động
- Lao động
- Tỷ lệ lao động trong các ngành kinh tế đã qua đào tạo
- Việc làm và mức sống dân cư....

3.3. Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tập trung

- Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp
- Chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi.

3.4. Thực trạng kết cấu hạ tầng tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung

- Hệ thống cơ sở chế biến
- Hệ thống điện nông thôn
- Hệ thống giao thông nông thôn ...

4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tác động đến phát triển sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh tập trung của tỉnh.

4.1. Thuận lợi

4.2. Khó khăn

VIII.2. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG SẢN XUẤT, TIÊU THỤ QUẢ, HOA, CÂY CẢNH TẬP TRUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Đánh giá hiện trạng sản xuất cây ăn quả (nhãn, cam, vải) tập trung

- Diện tích, năng suất, sản lượng (nhãn, cam, vải) vùng tập trung theo huyện
- Tỷ lệ diện tích, sản lượng nhãn, cam, vải vùng tập trung/tổng diện tích nhãn, cam, vải theo huyện
- Thực trạng ứng dụng TBKT, giống, kỹ thuật canh tác trong sản xuất nhãn, cam, vải
- Tình hình thu mua sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ, xuất khẩu các sản phẩm quả
- Thực trạng liên kết doanh nghiệp và nông dân theo chuỗi giá trị sản xuất, chế biến, tiêu thụ quả tại các vùng sản xuất CAQ tập trung.

2. Đánh giá hiện trạng sản xuất hoa, cây cảnh vùng sản xuất tập trung

- Diện tích, năng suất, sản lượng hoa, cây cảnh vùng tập trung theo huyện
- Tỷ lệ diện tích, sản lượng hoa, cây cảnh vùng tập trung/tổng diện tích hoa, cây cảnh theo huyện.
- Cơ cấu, chủng loại hoa
- Diện tích hoa, cây cảnh trong nhà lưới, diện tích hoa, cây cảnh ngoài tự nhiên.
- Thực trạng ứng dụng TBKT, giống, kỹ thuật canh tác trong sản xuất hoa, cây cảnh.
- Tình hình thu mua sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ, xuất khẩu các sản phẩm hoa, cây cảnh.
- Thực trạng liên kết doanh nghiệp và nông dân theo chuỗi giá trị sản xuất, bảo quản, tiêu thụ hoa, cây cảnh tại các vùng sản xuất hoa, cây cảnh tập trung.

3. Xây dựng bản đồ hiện trạng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh toàn tỉnh tỷ lệ 1/50.000

4. Đánh giá chung những mặt đạt được và những tồn tại, khó khăn.

VIII.3. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐẤT VÙNG SẢN XUẤT CÂY ĂN QUẢ, HOA, CÂY CẢNH

1. Thu thập các tài liệu về điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội liên quan đến sự hình thành và các quá trình biến đổi của đất như:

- Khí hậu, thời tiết (số liệu quan trắc nhiều năm, số liệu bình quân, bản đồ phân vùng một số yếu tố khí hậu chủ yếu như nhiệt, mưa, bức xạ, số giờ nắng,...).

- Thủy văn, thủy lợi (bản đồ thủy văn nước mặt, bản đồ hiện trạng và quy hoạch thủy lợi kèm báo cáo thuyết minh).

- Thổ nhưỡng, nông hoá (các loại bản đồ đất cấp huyện và cấp tỉnh, bản đồ nông hoá, bản đồ canh tác, bản tả phẫu diện các lần điều tra trước, kết quả phân tích đất, ảnh hình thái phẫu diện đất, ảnh cảnh quan, ảnh hiện trạng sử dụng đất và báo cáo thuyết minh kèm theo bản đồ).

- Bản đồ hiện trạng thảm phủ và hiện trạng sử dụng đất; số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất, loại (nhóm) cây trồng và năng suất, sản lượng.

- Các loại tài liệu về điều kiện tự nhiên khác.

2. Tổng hợp, đánh giá các tài liệu về điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội liên quan đến sự hình thành và các quá trình biến đổi của đất như:

- Phân tích, đánh giá và chọn tài liệu xác định sự thay đổi ranh giới khoanh đất

- Tổng hợp số liệu, chỉnh lý ranh giới khoanh đất

- Chuyển kết quả lên bản đồ đã ngoại

Sử dụng bản đồ nền địa hình cấp xã tỷ lệ 1/10.000 để tiến hành đã ngoại (Bản đồ đã ngoại). Các thông tin đã thu thập được thể hiện trên bản đồ đã ngoại về phân loại đất, địa hình, tầng dày đất, mức độ gầy, đá lẫn..., hiện trạng sử dụng đất, các phẫu diện nghiên cứu đã có vv...

- Nghiên cứu đặc điểm địa bàn điều tra

Trên bản đồ đã ngoại cần thể hiện các điểm dự kiến nghiên cứu phẫu diện đất, điểm lấy mẫu nông hóa. Các kết quả điều tra thực địa như điểm phẫu diện đất, điểm lấy mẫu nông hóa, ranh giới khoanh đất, phân loại đất ngoài thực địa, hiện trạng sử dụng đất, đều được thể hiện trên bản đồ này.

3. Khảo sát thực địa và bổ sung kết quả

Dự kiến lấy 569 mẫu đất (bình quân khoảng 15 ha/mẫu - theo TCVN 9487:2012) trên ha đất canh tác cây ăn quả, hoa cây cảnh tập trung 8.540 ha. Các mẫu nông hóa được lấy và ghi chép mô tả vào sổ.

4. Phân tích mẫu đất

Phân tích mẫu thổ nhưỡng: Phân tích 13 chỉ tiêu lý, hóa học cho 04 tầng đất của 40 phẫu diện, gồm: pHKCL, Thành phần cấp hạt, Ca^{2+} , Mg^{2+} , K^+ , Na^+ , OM%, N %, P_2O_5 %, K_2O %, P_2O_5 dễ tiêu, K_2O dễ tiêu, và CEC đất.

Mẫu nông hóa: Phân tích 5 chỉ tiêu, gồm: pHKCL, OM %, P_2O_5 dễ tiêu, K_2O dễ tiêu, và CEC đất.

5. Xây dựng bản đồ chất lượng đất đai đối với vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh tập trung

- Thu thập các bản đồ chuyên đề đã xây dựng và hoàn thiện như:

+ Xây dựng bản đồ nông hóa - thổ nhưỡng, bao gồm các đặc trưng đất đai như: loại đất, địa hình tương đối, thành phần cơ giới, tầng dày đất mịn...

+ Các kết quả phân tích lý, hóa tính đất.

+ Bản đồ khí hậu: bao gồm các bản đồ nhiệt độ, lượng mưa, tổng tích ôn...

+ Bản đồ tưới, tiêu, bản đồ ngập úng...

+ Xây dựng bản đồ thích nghi

- Chồng xếp các bản đồ đơn tính bằng phần mềm GIS chuyên dụng nhằm xây dựng bản đồ chất lượng đất đai vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh tập trung

- Biên tập, xây dựng bản đồ chất lượng đất đai vùng canh tác hoa cây ăn quả, hoa, cây cảnh cấp tỉnh, tỷ lệ 1/50.000.

6. Tính toán cân bằng dinh dưỡng và đề xuất chế độ phân bón

- Nghiên cứu đề xuất phân bón cho cây ăn quả, hoa, cây cảnh: Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, đặc biệt là bản đồ thổ nhưỡng - nông hóa, đề xuất sử dụng đất và các yêu cầu về dinh dưỡng của cây ăn quả, hoa, cây cảnh tiến hành xác định lượng phân bón cho các loại cây trồng theo nguyên tắc cân bằng dinh dưỡng như sau:

+ Xây dựng công thức tính toán lượng phân bón của cây ăn quả, hoa, cây cảnh

+ Xác định chế độ bón: loại phân, lượng phân bón gắn với loại đất, loại cây trồng.

VIII.4. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ AN TOÀN CỦA ĐẤT VÀ NƯỚC VÙNG SẢN XUẤT CÂY ĂN QUẢ, HOA, CÂY CẢNH

1. Cơ sở lấy mẫu đất, nước để phân tích

- Dựa vào diện tích các loại đất trồng cây ăn quả, hoa, cây cảnh hiện nay của tỉnh

- Dựa vào độ đồng nhất về độ dốc, tầng dày của đất

- Dựa vào nguồn nước tưới của từng khu vực

- Lấy mẫu đất, nước phân tích tại cùng địa điểm

- Số lượng mẫu đất dự kiến 458 mẫu; số lượng mẫu nước 70 mẫu nước

2. Phân tích mức giới hạn tối đa cho phép của kim loại nặng trong đất (các chỉ tiêu phân tích hàm lượng kim loại nặng đối với các chỉ tiêu As, Cd, Cu, Pb và Zn của 458 mẫu đất theo TCVN 6649:2000, TCVN 6496:1999)

3. Phân tích mức giới hạn tối đa cho phép của kim loại nặng trong nước tưới mức giới hạn tối đa cho phép của các chỉ tiêu: As, Cd, Hg và Pb trong 70 mẫu nước tưới (theo TCVN 5941:1995; TCVN 665:2000).

4. Đánh giá mức độ an toàn của đất trồng, nước tưới cho cây ăn quả

5. Xây dựng bản đồ mức độ an toàn vùng sản xuất cây ăn quả tập trung toàn tỉnh tỷ lệ 1/50.000.

6. Đánh giá chung tình hình sản xuất quả an toàn:

- Những kết quả đạt được
- Những tồn tại
- Nguyên nhân cơ bản.

VIII.5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG SẢN XUẤT CÂY ĂN QUẢ, HOA CÂY CẢNH TẬP TRUNG THEO CHUỖI

1. Một số dự báo có liên quan đến phát triển sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh hàng hóa tập trung

- Bối cảnh chung trong nước, tỉnh Hưng Yên
- Xu hướng phát triển nông nghiệp và nông thôn của huyện và tỉnh.
- Dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp.
- Dự báo nhu cầu tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nội tỉnh, Thủ đô Hà Nội, các tỉnh lân cận và khả năng xuất khẩu.
- Dự báo khoa học công nghệ và khả năng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh.

2. Phân tích, dự báo một số nhân tố để bổ sung các vùng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh

- Điều kiện về đất đai mở rộng sản xuất (tại các huyện....)
- Điều kiện về thị trường
- Điều kiện về vốn đầu tư ...

VII.4. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

- Mục tiêu chung
- Mục tiêu cụ thể

3. Các tiêu chí vùng sản xuất hàng hoá tập trung

VII.5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG SẢN XUẤT CÂY ĂN QUẢ, HOA, CÂY CẢNH HÀNG HÓA TẬP TRUNG

1. Định hướng phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung

- Định hướng các vùng sản xuất tập trung (quy mô diện tích, địa điểm) các loại quả cây ăn quả (cam, vải, nhãn) tập trung tại các huyện
- Dự kiến diện tích, năng suất, sản lượng các loại quả (nhãn, cam, vải) giai đoạn 2020 - 2025 tại các vùng sản xuất tập trung

- Bổ sung các vùng sản xuất mới phù hợp với điều kiện hiện nay

2. Định hướng phát triển các vùng sản xuất hoa, cây cảnh

- Rà soát các vùng (quy mô diện tích, địa điểm) các các vùng hoa cây cảnh sản xuất tập trung tại các huyện
- Dự kiến diện tích canh tác, diện tích gieo trồng hoa, cây cảnh
- Dự kiến cơ cấu, chủng loại hoa, cây cảnh
- Dự kiến diện tích hoa trong nhà lưới
- Bổ sung các vùng sản xuất mới phù hợp với điều kiện hiện nay

3. Xây dựng bản đồ định hướng phát triển sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh tập trung tỷ lệ 1/50.000

VII.6. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về thông tin tuyên truyền

2. Mở rộng thị trường và xúc tiến thương mại đối với sản phẩm quả, hoa, cây cảnh trên địa bàn tỉnh

3. Khoa học công nghệ

- Giống: Lựa chọn nguồn giống phát triển, sản xuất giống, quản lý chất lượng nguồn
- Tập trung chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học về giống
- Ứng dụng quy trình xuất thâm canh, áp dụng quy trình VietGAP
- Đẩy mạnh cơ khí hoá, tự động hoá trong sản xuất, chế biến
- Bảo quản, chế biến.
- Xây dựng mô hình thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng....

4. Tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ

- Phát triển kinh tế hộ, trang trại
- Phát triển kinh tế hợp tác xã
- Thu hút các doanh nghiệp

5. Giải pháp về cơ chế chính sách đối với các vùng sản xuất hàng hóa cây ăn quả, hoa, cây cảnh tập trung

- Cơ chế hỗ trợ phát triển trồng mới...
- Cơ chế chính sách cho phát triển hạ tầng
- Chứng nhận vietGap
- Hỗ xây dựng thương hiệu, bao bì, nhãn mác
- Hỗ trợ sản xuất giống: nhà lưới, nhà kính,...

- Hỗ trợ bảo quản, chế biến tiêu thụ sản phẩm

6. Đào tạo tập huấn nguồn nhân lực

7. Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng đối với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung

- Hạ tầng giao thông.
- Hạ tầng thủy lợi.
- Điện...

8. Giải pháp về vốn:

- Các giải pháp huy động vốn....
- Tính toán từng hạng mục vốn đầu tư

VII.7. CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ƯU TIÊN

VII.8. HIỆU QUẢ DỰ ÁN

- Hiệu quả kinh tế
- Hiệu quả xã hội
- Hiệu quả môi trường

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hưng Yên

2. Sản phẩm giao nộp

- Báo cáo tổng hợp *“Đề án phát triển vùng sản xuất tập trung cây ăn quả, hoa cây cảnh tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025”*: 10 quyển.
- Báo cáo tóm tắt: 10 quyển
- Bản đồ hiện trạng sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh tỉnh Hưng Yên tỷ lệ 1/50.000: 05 bộ.
- Bản đồ định hướng phát triển sản xuất cây ăn quả, hoa, cây cảnh tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025” tỷ lệ 1/50.000: 05 bộ
- Bản đồ chất lượng đất vùng sản xuất cây ăn quả, hoa cây cảnh tập trung tỉnh Hưng Yên tỷ lệ 1/50.000
- Bản đồ mức độ an toàn vùng sản xuất cây ăn quả tập trung tỉnh Hưng Yên tỷ lệ 1/50.000.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2019.

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC

Tháng 6/2019-Tháng 12/2019

TT	Nội dung công việc	6	7	8	9	10	11	12
1	Xây dựng và hoàn thiện đề cương	→						
2	Thiết kế bảng biểu, phiếu điều tra	→						
3	Tiến hành điều tra, thu thập số liệu		→					
4	Phân tích đánh giá, xây dựng báo cáo và tổ chức hội thảo cấp cơ sở				→			
5	Tổ chức hội nghị thẩm định					→		
6	Chỉnh sửa lần cuối, nghiệm thu bàn giao sản phẩm và thanh lý hợp đồng						→	

**ỦY BAN NHÂN TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**ĐỀ CƯƠNG ĐỀ ÁN
PHÁT TRIỂN THỦY SẢN TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN
2020 - 2025**

Hưng Yên, năm 2019

PHẦN MỞ ĐẦU

I. TÍNH CẤP THIẾT CỦA DỰ ÁN

Tỉnh Hưng Yên được tái lập sau gần 20 năm sáp nhập với Hải Dương. Tỉnh có tổng diện tích tự nhiên 930,22 km², có 01 thành phố và 09 huyện. Hưng Yên có vị trí ở trung tâm ĐBSH, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, liền kề thủ đô Hà Nội, gần một số tuyến trục kinh tế và đô thị lớn, có các tuyến đường bộ quan trọng của Quốc gia chạy qua như: đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, quốc lộ 5A, quốc lộ 39A, quốc lộ 38 và đường sắt Hà Nội - Hải Phòng ... là điều kiện hết sức thuận lợi để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong những năm qua, ngành thủy sản Hưng Yên đã và đang trên đà phát triển cùng với sự phát triển chung của ngành nông nghiệp của tỉnh đã thu được những thành tựu đáng kể: giai đoạn 2010 - 2017 đạt tốc độ tăng trưởng về diện tích là 0,7%/năm; tăng trưởng về sản lượng là 8,9%/năm; Sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh đã từng bước chuyển đổi theo hướng sản xuất hàng hóa, đời sống của người lao động tham gia sản xuất thủy sản được cải thiện rõ rệt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn trong tỉnh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao thị trường cho thị trường trong tỉnh và thủ đô Hà Nội.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được thì ngành thủy sản của tỉnh Hưng Yên trong thời gian qua phát triển vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế sẵn có. Việc tiếp cận các công nghệ nuôi trồng thủy sản mới còn hạn chế, các đối tượng nuôi chính hiện nay là các loài cá truyền thống; trình độ kỹ thuật sản xuất của người dân chưa đáp ứng được yêu cầu, tiềm năng ao, hồ của tỉnh khá lớn nhưng mới sử dụng nuôi trồng thủy sản chưa cao, sản lượng thủy sản đáp ứng khoảng 60-70% nhu cầu tiêu thụ.

Để phát huy những kết quả đạt được và giải quyết những vấn đề tồn tại nêu trên, UBND tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp với các ngành của tỉnh, viện nghiên cứu tiến hành xây dựng: “**Đề án phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025**” làm cơ sở cho việc đầu tư, chỉ đạo phát triển ngành thủy sản của tỉnh trong giai đoạn mới thực hiện thành công mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với phát triển xây dựng nông thôn mới.

II. NHỮNG CĂN CỨ LẬP DỰ ÁN

1. Các văn bản, chủ trương của Nhà nước

- Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017.

Đề cương đề án “Phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025

- Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Nghị định 57/2018/BĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp nông nghiệp, nông thôn.

- Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 -2020) tỉnh Hưng Yên.

- Nghị định số 01/2017/NĐ - CP ngày 6/1/2017 của Chính Phủ về việc bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai.

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-80:2011/BNNPTNT về cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm - điều kiện vệ sinh thú y.

2. Văn bản của tỉnh

- Quyết định 1854/QĐ-QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2014 về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 06/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND, ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 07/7/2016 của HĐND tỉnh Hưng Yên về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hưng Yên.

- Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 về việc phê duyệt đề án “Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất để sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo quy mô lớn giai đoạn 2017 - 2020”.

- Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa từ năm 2018 đến năm 2020.

- Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XVIII về Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giá trị gia tăng cao, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.

3. Các tài liệu cơ sở khác

- Đề án phát triển các ngành của tỉnh đã, đang thực hiện trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Hệ thống số liệu thống kê, các kết quả điều tra, khảo sát, số liệu, tài liệu.

III. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

- Duy trì tốc độ tăng trưởng cao, tăng nhanh diện tích nuôi thâm canh, thâm canh công nghệ cao, chú trọng hướng tăng trưởng mạnh về giá trị gia tăng, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh bằng tăng năng suất, áp dụng khoa học công nghệ, bảo đảm chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống dân sinh cho các tầng lớp nông dân nuôi trồng thủy sản. Tăng cường năng lực quản lý tài nguyên, nguồn lợi thủy sản, giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực từ ô nhiễm môi trường, dịch bệnh; chủ động quản lý rủi ro, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

IV. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- Phạm vi không gian: Các huyện, thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

- Phạm vi thời gian

+ Số liệu hiện trạng về sản xuất, tiêu thụ thủy sản được thu thập tổng hợp từ năm 2010 đến năm 2018.

+ Phát triển sản xuất thủy sản giai đoạn 2020 - 2025 tỉnh Hưng Yên.

V. ĐỐI TƯỢNG

- Phạm vi không gian: Các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng thủy sản trên phạm vi ranh giới hành chính tỉnh Hưng Yên.

- Phạm vi thời gian: nghiên cứu tập trung vào việc tập hợp, điều tra, xử lý, đánh giá và phân tích các thông tin, số liệu về hiện trạng giai đoạn 2010 - 2018 của ngành thủy sản đồng thời định hướng phát triển thủy sản giai đoạn 2020 - 2025.

- Phạm vi nội dung:

+ Các loại hình nuôi trồng thủy sản, công nghệ nuôi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi tập trung

- Các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ thủy sản trên địa bàn tỉnh.

VI. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp điều tra, thống kê: sưu tập các tư liệu, tài liệu đã công bố và lưu trữ trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến dự án, phân tích, thừa kế các tư liệu điều tra ...

2. Phương pháp khảo sát thực địa: khảo sát trên địa bàn các huyện của tỉnh Hưng Yên. Thu thập mẫu phân tích chất lượng nước nuôi trồng thủy sản đánh giá mức độ an toàn của nước nuôi trồng thủy sản.

3. Phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của nông dân (PRA): đánh giá hiện trạng nuôi trồng thủy sản. Phỏng vấn người tiêu dùng về nhu cầu tiêu dùng thủy sản an toàn, yêu cầu chất lượng và quản lý chất lượng, nhu cầu sơ chế, bảo quản...

4. Phương pháp lấy mẫu và phân tích mẫu: Các chỉ tiêu phân tích: được quy định tại QCVN 01-80:2011/BNNPTNT về cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm - điều kiện vệ sinh thú y.

VII. NỘI DUNG CHỦ YẾU

VII.1. ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN LỰC ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN THỦY SẢN TỈNH HƯNG YÊN

1. Điều kiện tự nhiên: Vị trí địa lý; Địa hình; Đặc điểm khí hậu; Đặc điểm thủy văn.

2. Các nguồn tài nguyên: Tài nguyên nước.

3. Điều kiện kinh tế - xã hội có liên quan đến phát triển thủy sản

- Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- Dân số, lao động
- Cơ sở hạ tầng
- Các chính sách đầu tư phát triển thủy sản

4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tác động đến phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên

- Thuận lợi
- Những khó khăn và tồn tại.

VII.2. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG SẢN XUẤT, TIÊU THỤ THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Tiềm năng mặt nước phát triển nuôi trồng thủy sản

- Hệ thống các sông
- Hệ thống các ao hồ nhỏ và đầm
- Diện tích chưa tưới tiêu chủ động có nguy cơ ngập úng

2. Hiện trạng nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2010 - 2018

- Diện tích nuôi trồng thủy sản.
- Loại hình nuôi trồng thủy sản: nuôi tại sông suối, ao hồ; nuôi 1 vụ cá + 1 vụ lúa...
- Diễn biến năng suất, sản lượng nuôi trồng thủy sản.
- Phương thức nuôi trồng thủy sản (quảng canh, thâm canh, bán thâm canh, nuôi công nghiệp, nuôi bán công nghiệp).
- Thực trạng phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung.
- Đánh giá hiệu quả của việc chuyển đổi đất lúa sang nuôi trồng thủy sản, hoặc kết hợp 1 vụ lúa + nuôi trồng thủy sản.
- Nghề nuôi cá lồng trên sông Hồng.
- Nuôi thủy đặc sản.
- Đánh giá các mô hình nuôi trồng thủy sản tiên tiến điển hình, mô hình nuôi trồng đặc sản đạt hiệu quả cao.
- Hiệu quả kinh tế của các loại hình nuôi trồng thủy sản

3. Tình hình môi trường dịch bệnh

- Đánh giá tình hình dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản
- Đánh giá tình hình phòng chống bệnh...

4. Tổ chức sản xuất trong nuôi trồng thủy sản

- Hộ gia đình
- Trang trại
- Tổ hợp tác và hợp tác xã
- Doanh nghiệp

5. Hiện trạng KHCN và khuyến ngư

- Đánh giá về ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ cho phát triển sản xuất nuôi trồng thủy sản
 - + Kết quả ứng dụng và hiệu quả của việc sử dụng các loại giống mới vào sản xuất
 - + Các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ đã chuyển giao và ứng dụng vào thực tế sản xuất trên địa bàn tỉnh
 - + Các chương trình đề tài khoa học liên quan tới phát triển ngành thủy sản của tỉnh

6. Dịch vụ thủy sản

a. Dịch vụ nuôi trồng

- Hệ thống sản xuất và cung ứng con giống
- Dịch vụ sản xuất và cung ứng thức ăn
- Dịch vụ khuyến ngư

b. Dịch vụ phục vụ khai thác

7. Chế biến thủy sản

- Mặt hàng chế biến, cơ sở vật chất phục vụ chế biến

8. Thị trường tiêu thụ thủy sản

- Thực trạng hệ thống tiêu thụ thủy sản
- Thị trường tiêu thụ nội tỉnh, ngoại tỉnh
- Các mặt hàng, sản phẩm chủ lực
- Vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm

9. Vấn đề bảo vệ môi trường trong phát triển thủy sản

- Bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản
- Bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác thủy sản

10. Thực trạng khai thác thủy sản

- Năng lực khai thác
- Sản lượng và năng suất khai thác

11. Đánh giá chung về thực trạng phát triển ngành thủy sản

- Những kết quả đạt được
- Những tồn tại

12. Xây dựng bản đồ hiện trạng sản xuất thủy sản tỉnh Hưng Yên năm 2018 tỷ lệ 1/50.000.

VII.3. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC VÙNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TỈNH HƯNG YÊN

1. Khảo sát thực địa và bổ sung kết quả: Dự kiến lấy 50 mẫu nước trên diện tích nuôi trồng thủy sản. Các mẫu nước được lấy và ghi chép mô tả vào sổ.

2. Phân tích mẫu nước: Các chỉ tiêu phân tích: được quy định tại QCVN 01-80:2011/BNNPTNT về cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm - điều kiện vệ sinh thú y.

3. Biên tập, xây dựng bản đồ chất lượng nước vùng nuôi trồng thủy sản tập trung cấp tỉnh, tỷ lệ 1/50.000.

VII.4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG SẢN XUẤT SẢN XUẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TẬP TRUNG

1. Dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển thủy sản

1.1. Dự báo thị trường

1.2. Dự báo khoa học công nghệ

1.3. Dự báo ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, môi trường sinh thái đến phát triển nuôi trồng thủy sản

2. Quan điểm, mục tiêu

2.1. Quan điểm

2.2. Mục tiêu

- Mục tiêu chung

- Mục tiêu cụ thể

3. Định hướng phát triển thủy sản giai đoạn 2020 - 2025

3.1. Định hướng phát triển theo phương thức nuôi

- Nuôi thâm canh: Diện tích, năng suất, sản lượng (tăng diện tích bán thâm canh sang nuôi thâm canh và công nghệ cao)

- Nuôi công nghệ cao: Diện tích, năng suất, sản lượng

- Nuôi bán thâm canh: Diện tích, năng suất, sản lượng

- Nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến: Diện tích, năng suất, sản lượng

3.2. Định hướng phát triển theo loại hình nuôi

- Nuôi cá ao hồ nhỏ quy mô hộ gia đình (dưới 1,0 ha): Vị trí, quy mô

- Nuôi trồng thủy sản mặt nước lớn: Diện tích hồ từ 1- 5ha ; Diện tích hồ từ 5- 10 ha : Vị trí, quy mô

- Nuôi ruộng trũng kết hợp: Vị trí, quy mô

- Nuôi cá lồng trên hồ thủy lợi: Vị trí, quy mô

- Định hướng nuôi thủy đặc sản: Vị trí, quy mô

- Nuôi công nghệ cao

3.3. Định hướng khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

4. Khai thác thủy sản: Dự kiến sản lượng khai thác tại các sông lớn, các vùng hồ thủy lợi

5. Dịch vụ thủy sản

- Sản xuất thức ăn phục vụ nuôi trồng thủy sản

- Hệ thống sản xuất và cung ứng giống cho nuôi trồng thủy sản

- Dịch vụ khuyến ngư.

6. Chế biến thủy sản

- Sản phẩm chế biến, nguồn nguyên liệu

- Cơ sở vật chất phục vụ chế biến thủy sản

- Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình chế biến.

7. Thị trường tiêu thụ thủy sản

- Thị trường tiêu thụ nội tỉnh: Thành phố Hưng Yên, các khu công nghiệp, khu du lịch, tiêu thụ trong dân.
- Tiêu thụ ngoại tỉnh: Thủ đô Hà Nội
- Hướng tới xuất khẩu các sản phẩm đặc sản.

8. Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển ngành thủy sản

- Hệ thống điện, đường giao thông (chú trọng giao thông nông thôn, giao thông nội đồng).
- Hệ thống thủy lợi: kênh mương, hệ thống hồ đập, trạm bơm nước...
- Hệ thống các trạm sản xuất giống thủy sản.

9. Xây dựng bản đồ định hướng phát triển sản xuất thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025 tỷ lệ 1/50.000

VII.6. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

- 1. Giải pháp về khoa học công nghệ**
- 2. Giải pháp về vốn đầu tư và tín dụng phục vụ nuôi trồng thủy sản**
- 3. Mở rộng thị trường và xúc tiến thương mại đối với sản phẩm thủy sản trên địa bàn tỉnh**
- 4. Tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước**
- 5. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực**
- 6. Tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ**
 - Phát triển kinh tế hộ, trang trại
 - Phát triển kinh tế hợp tác xã
 - Thu hút các doanh nghiệp
- 7. Giải pháp về cơ chế chính sách đối với các vùng sản xuất hàng hóa thủy sản tập trung**
 - Chính sách hỗ trợ chế biến, bảo quản
 - Chính sách hỗ trợ giống, công tác giống, tăng cường khoa học công nghệ và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất
 - Chính sách hỗ trợ cơ sở hạ tầng và cơ sở kỹ thuật phục vụ sản xuất
- 8. Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng đối với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung**
 - Hạ tầng giao thông
 - Hạ tầng thủy lợi
 - Điện...
- 9. Giải pháp về vốn:** Tính toán từng hạng mục vốn đầu tư

VII.7. XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA ĐỀ ÁN THEO TỪNG NĂM GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

VII.8. ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

- Dự án phát triển công nghệ nuôi cá ao bán nổi
- Dự án về sản xuất giống
- Dự án phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung, nuôi đặc sản
- Dự án chuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản
- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng
- Dự án đào tạo cán bộ kỹ thuật, nguồn nhân lực.

VII.9. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG CỦA ĐỀ ÁN

- Hiệu quả kinh tế: thu nhập/ha mặt nước, đóng góp vào tỷ trọng khối nông lâm thủy sản, tăng thu nhập cho các hộ...
- Hiệu quả xã hội: giải quyết công ăn, việc làm cho lao động nông thôn...
- Hiệu quả môi trường: tính bền vững về môi trường trong khai thác, nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hưng Yên

2. Sản phẩm giao nộp

- Báo cáo tổng hợp: “*Đề án phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025*”: 10 quyển.
- Báo cáo tóm tắt: 10 quyển
- Bản đồ hiện trạng sản xuất thủy sản tỉnh Hưng Yên tỷ lệ 1/50.000: 05 bộ.
- Bản đồ định hướng phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020 - 2025” tỷ lệ 1/50.000: 05 bộ
- Bản đồ chất lượng nước tại các vùng sản xuất thủy sản tập trung tỉnh Hưng Yên tỷ lệ 1/50.000.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC

Tháng 3/2019-Tháng 9/2019

TT	Nội dung công việc	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Xây dựng và hoàn thiện đề cương	→									
2	Thiết kế bảng biểu, phiếu điều tra		→								
3	Tiến hành điều tra, thu thập số liệu					→					
4	Phân tích đánh giá, xây dựng báo cáo và tổ chức hội thảo cấp cơ sở					→	→	→	→		
5	Tổ chức hội nghị thẩm định									→	
6	Chỉnh sửa lần cuối, nghiệm thu bàn giao sản phẩm và thanh lý hợp đồng										→